

Bản án số: 09/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 01 - 2026
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Quảng
2. Bà Phan Thị Hạnh Mỹ

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 158/2025/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 19/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐ-HNGĐ ngày 06/01/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1987.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T1 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:* Chị T và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N nay là xã N tỉnh Hưng Yên vào ngày 10 tháng 7 năm 2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã N, tỉnh Thái Bình nay là xã N tỉnh Hưng Yên. Quá trình

chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân, không còn liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng đã hết, không thể hàn gắn được, chị T đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn anh T1. Vợ chồng chị không có con chung. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn T1 không đến Tòa án làm việc vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh T1.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã N thể hiện: Anh T1 và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N nay là xã N tỉnh Hưng Yên vào năm 2023. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình anh T1 được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị T xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng không có con chung. Tài sản chung vợ chồng địa phương không biết.

Tại biên bản ghi lời khai bà Trần Thị N sinh năm 1956, nơi cư trú: thôn T, xã N, tỉnh Hưng Yên (mẹ anh T1) trình bày: Anh T1 và chị T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là xã N tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn do không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T xin ly hôn, bà muốn vợ chồng đoàn tụ còn vợ chồng có ở được với nhau hay không là do chị T và anh T1 quyết định. Hiện tại chị T và anh T1 không có con chung. Anh T1 hiện đang đi làm ở tỉnh ngoài, bà N không biết địa chỉ cụ thể nơi anh T1 sinh sống.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã cơ bản tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận cho chị T được ly hôn anh T1.

Về quan hệ con chung: Không có

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, chị T và anh T1 tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã N nay là xã N tỉnh Hưng Yên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau. Tòa án đã triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn và anh T1 vắng mặt. Điều này chứng tỏ đời sống chung của vợ chồng thực tế không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về quan hệ con chung: Không có.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, Tòa án chưa ghi được lời khai của anh T1 nên chưa có cơ sở xem xét, vì vậy Tòa án không giải quyết về quan hệ tài sản chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng

dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

2. *Về quan hệ con chung*: Không có.

3. *Về quan hệ tài sản*: Không giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0003622 ngày 27/11/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên sang thi hành án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Chị Vũ Thị T và anh Nguyễn Văn T1 vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 - Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã Nam Cường (ĐKKH 10/7/2023);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Lê Thị Thanh X

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - HƯNG YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 40 phút ngày 13 tháng 01 năm 2026

Tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh X

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Văn Q và Phan Thị Hạnh M.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 158/2025/TLST - HNGĐ ngày 27/11/2025 về: “*Ly hôn*” giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1987.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn N, xã N, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,

QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T1.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

2. *Về quan hệ con chung*: Không có.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

3. *Về tài sản chung*: Không giải quyết.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3.

4. *Về án phí*: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết: 3/3

5. *Quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật;

- Hội đồng xét xử nhất trí biểu quyết 3/3.

Biên bản lập xong vào hồi 13 giờ 50 phút cùng ngày, các thành viên HĐXX đã đọc lại và nhất trí ký tên dưới đây

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Lê Thị Thanh Xuân

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Định;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa